| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH LÂM ĐỒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 453/2025/DS-PT
Ngày: 30/12/2025
*V/v: "Tranh chấp đất đai"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Dũng.

*Các Thẩm phán*: Ông Lê Văn Xô và ông Nguyễn Lê Phương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Vi Thị Yến - Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:*** Bà Lương Thị Mai Chăm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 295/2025/TLPT-DS, ngày 15/10/2025 về việc "Tranh chấp đất đai", do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 10/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 593/2025/QĐ-PT ngày 24 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 74/2025 ngày 16/12/2025, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Ông Nguyễn Cảnh H, sinh năm 1964 (Có mặt).

Địa chỉ: 220 Võ Văn Kiệt, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường C, TP. Hồ Chí Minh).

- ***Bị đơn***: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (nay là xã H, tỉnh Lâm Đồng).

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Đinh Thị T1, sinh năm 1984 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (nay là xã H, tỉnh Lâm Đồng).. Vắng mặt;

2. Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1964 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 220 Võ Văn Kiệt, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường C, TP. Hồ Chí Minh).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Cảnh H trình bày:* Vào tháng 4/2018, ông có nhận chuyển nhượng quyền sử đất của hộ ông Bùi P với tổng diện tích 516.590m$^2$ tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 27 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 211830 do UBND huyện Hàm Tân cấp cho hộ ông Bùi P ngày 24/7/2002. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H và hộ ông Bùi P đã được Văn phòng công chứng Hàm Thuận Nam công chứng số 583, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐCC. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông H đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với cơ quan Nhà nước và đã được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Hàm Tân cập nhật biến động sang tên cho ông Nguyễn Cảnh H ngày 24/4/2018.

Khi tiến hành nhận bàn giao đất thì ông Nguyễn Cảnh H phát hiện ông Nguyễn Hữu T chiếm dụng của ông phần đát có diện tích 13.528,8m$^2$ theo kết quả đo đạc của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Hàm Tân. Ông H đã yêu cầu ông Nguyễn Hữu T trả lại diện tích đất đã chiếm dụng cho ông H nhưng tại biên bản hòa giải của UBND xã Tân Hà, huyện Hàm Tân (cũ) ngày 28/12/2021, ông Nguyễn Hữu T không đồng ý trả lại diện tích đất lấn chiếm cho ông H.

Nay ông yêu cầu ông Nguyễn Hữu T và bà Đinh Thị T1 phải trả lại cho ông H diện tích đất đã chiếm thực tế 13.528,8m$^2$, thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 27, diện tích 516.590m$^2$ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 211830 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cấp cho hộ ông Bùi P ngày 24/7/2002, đã được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Hàm Tân cập nhật biến động sang tên cho ông Nguyễn Cảnh H ngày 24/4/2018, ông đồng ý hỗ trợ tài sản trên đất cho ông Thuận và bà Thủy theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, đồng thời ông tự nguyện chịu toàn bộ án phí, chi phí tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- *Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày:* Ông Thuận không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H và ông không biết ông H là ai, tại sao lại kiện ông làm mất thời gian của ông. Phần diện tích đất mà ông Thuận đang sử dụng có nguồn gốc do cha của ông là ông Nguyễn Hữu C thu gom bờ bao đất của HTX Đông Hiệp, xã Tân Hà từ những năm tám mươi mấy rồi giao lại cho ông sử dụng từ năm 1996 đến nay. Cũng giống như những hộ dân khác, do ông Thuận nghèo nên không dám đăng ký làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì sợ đóng tiền nên đến nay vẫn không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Thuận không biết vì lý do gì mà đất này lại cấp cho hộ ông Bùi P và trước đây thì ông Bùi P đã có đơn tranh chấp, nay lại đến ông Nguyễn Cảnh H kiện ông Thuận nên ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim L trình bày*: Bà là vợ của ông Nguyễn Cảnh H. Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 211830 là tài sản chung của vợ chồng bà được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Nguồn gốc là do nhận chuyển nhượng từ ông Bùi P vào năm 2018.

Bà đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Cảnh H, buộc ông Nguyễn Hữu T trả lại diện tích đất lấn chiếm cho vợ chồng bà.

*- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị T1 đã được Toà án cấp sơ thẩm triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến gửi cho Toà án.*

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 10/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15, tỉnh Lâm Đồng đã quyết định:*

Căn cứ vào:

- Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 117, Điều 119, Điều 164, Điều 166 của Bộ luật Dân sự;

- Khoản 1 Điều 26, khoản 5 Điều 166, Điều 167 của Luật đất đai năm 2013;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Nguyễn Cảnh H.

**1**. Buộc ông Nguyễn Hữu T và bà Đinh Thị T1 phải trả lại cho ông Nguyễn Cảnh H và bà Nguyễn Thị Kim L phần diện tích đất 13.528,8m$^2$ theo mảnh trích đo hiện trạng khu đất của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Hàm Tân ngày 20/4/2023, tọa lạc tại thôn Đông Hiệp, xã Tân Hà, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận; (có Mảnh trích đo hiện trạng khu đất do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Hàm Tân đo vẽ, ký duyệt ngày 20/4/2023, *kèm theo*).

**2**. Ông Nguyễn Cảnh H, bà Nguyễn Thị Kim L được quyền sở hữu toàn bộ số cây keo tràm trên diện tích đất 13.528,8m$^2$.

**3**. Ông Nguyễn Cảnh H và bà Nguyễn Thị Kim L phải hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu T và bà Đinh Thị T1, trị giá toàn bộ số cây keo tràm trên đất với số tiền 148.603.061đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/7/2025, bị đơn ông Nguyễn Hữu T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn ông Nguyễn Cảnh H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Nguyễn Hữu T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Bà Đinh Thị T1 trình bày: Nguồn gốc diện tích đất ông H tranh chấp là của gia đình bà, vợ chồng bà đã sử dụng ổn định nên bà không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hữu T và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 10/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15, tỉnh Lâm Đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về việc vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim L vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thời hạn hạn cáo: Tại phiên tòa sơ thẩm thì ông Nguyễn Hữu T không có mặt, đến ngày 29/7/2025, ông Nguyễn Hữu T nhận được Bản án sơ thẩm và ngày 30/7/2025, ông Nguyễn Hữu T làm đơn kháng cáo là trong thời hạn và đúng quy định pháp luật nên vụ án được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và pháp luật được áp dụng giải quyết vụ án: Xét nội dung đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định mối quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án là phù hợp với quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[2.1]. Tại Quyết định số 540/QĐ/UB-HT ngày 04/4/1991 của Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân đã giao cho ông Bùi P và ông Lê Hạnh P diện tích 425 ha để quản lý và sử dụng vào mục đích trồng cây kinh tế bạch đàn tập trung. Sau khi nhận đất, ông Lê Hạnh P không có nhu cầu sử dụng nên ông Bùi P sử dụng diện tích là 516.590m$^2$ trong tổng diện tích đất được giao 425 ha nêu trên. Năm 2002, diện tích đất trên của ông Bùi P được Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 211830 ngày 24/7/2002. Tại Công văn số 3562/UBND-TNMT ngày 25/9/2024 của UBND huyện Hàm Tân xác định giấy chứng nhận quyền sử dung đất số V 211830 được cấp đúng trình tự thủ tục và cấp

đúng đối tượng. Nội dung phúc đáp phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Hàm Tân cung cấp. Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Bùi Phù thì đất không có tranh chấp và Quyết định số 540/QĐ/UB-HT ngày 04/4/1991 của Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân vẫn còn hiệu lực, đây là căn cứ xác định nguồn gốc, quá trình sử dụng đất để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên việc Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 211830 ngày 24/7/2002 cho hộ ông Bùi P là đúng quy định.

[2.2]. Ngày 24/3/2018, ông Bùi P lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 211830 cho ông Nguyễn Cảnh H, hợp đồng được Văn phòng Công chứng Hàm Thuận Nam công chứng theo đúng quy định của pháp luật về công chứng và đã được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Hàm Tân đăng ký, cập nhật sang tên cho ông Nguyễn Cảnh H vào ngày 20/4/2018.

[2.3]. Theo bị đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày thì nguồn gốc đất tranh chấp là đất bờ gom và đã được Hợp tác xã Đông Hiệp – Tân Hà giao cho cha của ông là Nguyễn Hữu C sử dụng từ rất lâu và đến năm 1996 thì giao lại cho ông và ông đã sử dụng ổn định từ đó đến nay nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Hơn nữa, diện tích đất nêu trên đã được UBND huyện Hàm Tân giao cho ông Bùi P và ông Lê Hạnh P để sử dụng vào mục đích trồng cây kinh tế bạch đàn tập trung từ năm 1991, sau khi được giao đất thì ông Phú và ông Phúc đã trồng rừng gồm cây Bạch đàn và cây keo, đến năm 1994 thì đã có đơn xin khai thác rừng trồng, đồng thời đến năm 1999 thì do cây trồng bị chặt đốn nên ông Phú và ông Phúc cũng đã có báo cáo với cơ quan có thẩm quyền để theo dõi, kiểm tra.

Như vậy, việc ông Thuận khai nguồn gốc đất bờ gom do Hợp tác xã giao là không phù hợp, bên cạnh đó, toàn bộ diện tích đất diện tích 425 ha tại khu vực này đã được Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân có Quyết định số 540/QĐ/UB-HT ngày 04/4/1991 giao cho ông Bùi P và ông Lê Hạnh P để quản lý và sử dụng vào mục đích trồng cây kinh tế bạch đàn tập trung đến năm 2002 Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Bùi P diện tích là 516.590$m^2$ trong tổng diện tích đất được giao 425ha nêu trên.Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận thì cũng không có ai tranh chấp gì nên lời trình bày của ông Thuận là không có căn cứ để chấp nhận. Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định và đo đạc đất tranh chấp thì diện tích đất tranh chấp là 13.528,8$m^2$ được xác định nằm hoàn toàn trong Giấy chứng nhận số V 211830 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cấp ngày 24/7/2002 cho hộ ông Bùi P.

[2.4]. Về tài sản trên đất: Quá trình xét xử sơ thẩm, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định và định giá tài sản tranh chấp đã xác định được tài sản trên đất là cây keo lá tràm 04 - 05 năm tuổi do ông Nguyễn Hữu T trồng trên diện tích đất 9756,1$m^2$. Quá trình giải quyết vụ án thì bị đơn cũng không có ý kiến gì về tài sản trên đất và nguyên đơn đồng ý nhận lại tài sản và hoàn lại giá trị cây trồng cho phía bị đơn là hoàn toàn phù hợp nên cần được chấp nhận.

[2.5]. Từ những phân tích trên có thể khẳng định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Bùi P là đúng quy định, ông Phú chuyển nhượng cho ông Nguyễn Cảnh H là đảm bảo đúng pháp luật nên ông H là người sử dụng đất hợp pháp và cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Cảnh H buộc ông Thuận, bà Thủy trả lại diện tích đất lấn chiếm và ông H, bà Liên thanh toán lại giá trị cây trồng và sở hữu cây trồng trên đất là có căn cứ và đúng pháp luật. Quá trình xét xử phúc thẩm thì ông Nguyễn Hữu T không có tài liệu, chứng cứ gì khác nên kháng cáo của ông Thuận là không có căn cứ để chấp nhận như đề nghị của đại diện viện kiểm sát là phù hợp.

[4] Về chi phí tố tụng: Quá trình xét xử tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Cảnh H đã tự nguyện chịu toàn bộ các chi phí tố tụng và không ai kháng cáo đối với vấn đề này nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo ông Nguyễn Hữu T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Căn cứ:** Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hữu T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 10/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15, tỉnh Lâm Đồng.

**2.** Căn cứ: Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 158, Điều 165; khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 117, Điều 119, Điều 163, Điều 164, Điều 166, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Điều 12, Điều 26, Điều 166, Điều 167 Luật Đất đai năm 2013;

- Điều 26, Điều 37, Điều 45 Luật Đất đai năm 2024;

Khoản 2 khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Cảnh H:

**1.** Buộc ông Nguyễn Hữu T và bà Đinh Thị T1 phải trả lại cho ông Nguyễn Cảnh H và bà Nguyễn Thị Kim L diện tích đất 13.528,8m$^2$ thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 27 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 211830 do UBND huyện Hàm Tân cấp ngày 24/7/2002, được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6,

13, 14, 15, 16, 17, 18, 1 trên mảnh trích đo hiện trạng khu đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Hàm Tân ký duyệt ngày 20/4/2023. *(kèm theo bản án)*

**2**. Ông Nguyễn Cảnh H và bà Nguyễn Thị Kim L được quyền sở hữu toàn bộ tài sản là cây keo tràm trên diện tích đất 13.528,8m$^2$ được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 1 trên mảnh trích đo hiện trạng khu đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Hàm Tân ký duyệt ngày 20/4/2023.

Ông Nguyễn Cảnh H và bà Nguyễn Thị Kim L phải thanh toán cho ông Nguyễn Hữu T và bà Đinh Thị T1 số tiền 148.603.061đồng (*Một trăm bốn mươi tám triệu sáu trăm lẻ ba nghìn không trăm sáu mươi mốt đồng*) giá trị tài sản trên đất.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

**3.** Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hữu T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Cảnh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Cảnh H số tiền 12.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0007073 ngày 11/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân (nay là Phòng Thi hành án khu vực 15 - Lâm Đồng.

**4.** Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Hữu T phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002022 ngày 08/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng; ông Nguyễn Hữu T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**5.** Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 30/12/2025)./.

***Nơi nhận:***
- *VKSND tỉnh Lâm Đồng;*
- *Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*- TAND Khu vực 15;*
*- Phòng THADS khu vực 15;*
*- Các đương sự;*
*- Cổng TTĐT-TANDTC*
*- Lưu: HS; Tòa DS; Tổ HCTP.*

**Đã ký**

**Nguyễn Anh Dũng**